TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Kim Tuyến

Ông Điểu Kim Rương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2022/ TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: số 11/2 đường số 13, KP.4, P.L, TP.T, TP.HCM

- Bị đơn: Anh Lê Phước S, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Trà Thanh, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị X và anh Lê Phước S sau thời gian quen biết, tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh An, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không lo lắng cho vợ con, khi chị X hỏi thì anh S chửi mắng thậm chí đánh chị X. Từ năm 2019, chị X và anh S đã không còn chung sống với nhau. chị X không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân như vậy nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Phước S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị X và anh S có 02 con chung tên là Lê Phước P, sinh ngày 22/12/2009 và Lê Phước Q, sinh ngày 01/01/2013. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại đơn khởi kiện, chị X yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu Phú mỗi tháng 2.000.000đ. Ngày 18/01/2023, chị X rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Phước S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không thu thập được ý kiến của anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, cho ly hôn giữa chị X và anh S, giao 02 con chung cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S cư trú tại xã Thanh An, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị X và anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt. Chị X có đơn xin vắng mắt, anh S vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh S và chị X theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị X thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị X, biên bản xác minh và giấy chứng nhận kết hôn thấy rằng: chị X và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2009. Đây là hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Theo chị X thì hai vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh S không quan tâm, không chăm lo cho vợ con. Chị X yêu cầu ly hôn, anh S không thể hiện có nguyện vọng muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Xét mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, chị X và anh S đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị X và anh S có 02 người con tên Lê Phước P, sinh ngày 22/12/2009 và Lê Phước Q, sinh ngày 01/01/2013. Xét thấy cả 02 con chung hiện nay đang do chị X chăm sóc, cả 02 con chung đều có nguyện vọng muốn ở với chị X. Chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh S không thể hiện nguyện vọng muốn nuôi con nên để đảm bảo quyền lợi cho con chung cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, giao 02 con chung cho chị X trực tiếp chăm sóc.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị X rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dượng nuôi con. Việc rút một phần yêu cầu của chị X là sự tự nguyện của đương sự, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên cần chấp nhận, đình chỉ yêu cầu này, không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Cắn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1.Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị X.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Lê Phước S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 20/02/2009 của Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Bình Long (nay là xã Thanh An, huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Lê Phước P, sinh ngày 22/12/2009 và Lê Phước Q, sinh ngày 01/01/2013 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014207 ngày 28/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bán án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Quốc Thành